

B n t i r t th ch c , t i ng y ch m s c khu v n sau nh . Ch ng t i d nh c l th nh ph Montr al v a nh l ng i Vi t đ u ti n m t i m h i u Bonsai l th nh ph n y. Bonsai c th mua l c nh s n xu t b n M v a cung c t s n xu t, t i cung anh th ng vao c c tr i b n hoa ki ng l n, l c l i c c y th ng, c y t ng h , cong v o, c n c i, c khi l nh ng c y g n ch t v t b thung r c... mua r đ em v c t b t cành d th a, d ng d ng u n eo th nh h d ng d p, nu i d ng m t th i gian cho th nh bonsai... r i đ em b y b n. C y l m bonsai th ng l c lo i c y x nh l nh l v g i ch u d ng th i ti t kh c nghi t...

M t h m trong c u chuy n b n v c y c , anh n o i trong m t bài c a t i c m t ch sai v a nh cho bi t hoa pivoine (peony) kh ng ph i hoa m u d n m a l thu c d c. T i h i anh c n c v a o d u m a l n v y v i h u h t c t d i n d u ghi pivoine l a m u d n, c on th c d c l c l ahlia. (rieng t d i n c a L e V n D c v a L e Ng c Tr th i cho l a m u d n, hoa tr ng th t th m, c nh iu tai, cu ng m p nh l ng, d i 5 chia nh n, l a l ng m c d i v a ch m ba, c y nh tr ng l m h ng r o cao t i 2 m, t n l a Gardenia Lucida (th c ra ng i Nam g i gardenia t i ba t n, m u d n, d nh d nh, b ng l i tr u. G i t n hoa d nh d nh l d ng nh t. Ca dao c o c u: Con v kh n l y th ng ch ng d i, nh b ng hoa l i c m b i c t tr u. Nh d ng l m v i hoa l i (jasmine) p tr , hoa tr ng nh th m l ng, ng i n D th ng d ng x u x u d eo c).

Anh ch b c tranh tr n t l ng nh t i, n o i -r o ràng d y n , b c tranh n y ph i ng i T a u v hoa m u d n kh ng? T i x a c nh n d ng l a nh v y. T i cung d a hi u y nghi b c tranh, d c Kh ng T cho m u d n l a ph u qu i chi hoa, hoa lan l a v l ng gi chi hoa. Hai con b m, ch nho hi u l a trung d i p. B n ch l trong b c tranh v i n t th o tung hoanh nh l i mong u c, ch c ph c -ph u qu i trung d i p.

Nh n b c tranh c y hoa cao tr n c th c, thu c lo i th n m c c ng m au d en c nh ph , anh n o i -n u nh g i ng h m v , hoa to b ng cai ch n l n m au h ng, m au d nh ng c y hoa Canada thu c lo i th n th o m m, tr ng b ng c , m c th nh t ng b i, khi hoa n nh iu c n c y ch ng, n u kh ng ch ng s b g i th i g y c nh, d u ph i thu c lo i c y th n m c c ng c p... Nh v y pivoine Canada ch l c th l ahlia th i, kh ng ph i l a m u d n !

T i kh ng ch u v y v i d a t l ng th y m u d n y nh h m h m v , r u anh v a o v l n B ch Th o, c nh s n V n D ng Olympique, ch l cho anh coi c m t khu tr ng c y m u d n th n m c cao c 2 th c, hoa n d r d p l m, c o b ng ghi ch l Pivoine Chinoise (Chinese Peony) T i c ao c d c m t c y m k h ng bi t mua l d u, ph i m i d n n m 1994 l Canada m i nh p c ng gi ng m u d n Trung Hoa th n m c m b n ngo i th tr ng. Th c ra anh b n c ng c l y v i m u d n c nh iu lo i. Lo i th n th o nh Canada (herbaceous peony / pivoine japonese. T n

khoa hàn c là peonia lactiflora h Ranunculaceae, sách Việt Nam cũng ghi là thô c dô c) Loài mộc u đôn thân mộc c a Tàu (peony tree, mutang (mộc u đôn) / pivoine arbustive: peonia suffruticosa h Peoniaceae. (tôi cho peony dù là giỏ ng nào thì cũng là mộc u đôn). -Còn dahlia là thu c dô c thu c h Asteaceae.

Kết tóm đó, tôi nhớ lối tết c nh ng gì liên quan t i mộc u đôn trong các đôn c vă h c Trung Hoa. Chuyện bà Võ T c Thiên đày hoa mộc u đôn xu ng Giang Nam t i các câu t Ki u b Ho n Th đánh đp -D y r ng: c phép gia hình, ba cây ch p l i m t cành mộc u đôn... r i nh lan man qua Chinh Ph : -x y nh khi cành Diêu, đoá Ngu , tr c gió xuân vàng tía sánh nhau. H Diêu tìm đ i c gi ng mộc u đôn màu vàng, h Ng y tìm đ i c gi ng mộc u đôn màu tía, mà tên tu i đ i c nh c t i trong s sách.

Nghĩ t i nghĩ lui r i ch t th y mình bây gi đang x i l nh nh Trung Hoa, t i sao l i b qua c h i t t đ bi t rõ nh ng cây c trong th vă c Việt Nam. Ng i Tàu v n có óc t l ng t l ng phong phú, v t g i dù t m th l ng cách m y vào tay h thì bi n đ i t t đ p quí giá khong ng . Con r n s ng lâu trăm tu i thì có ng c, chi c vòng c m th ch có vân màu đ là nh chон chung v i ng i ch t hàng m y trăm năm, đ ng giá b c tri u. Cũng v y m t ông Tàu già cho r ng ki ng đeo m t nh b d i gi ng n c lâu c trăm năm nê nhìn m i v t th y r o và m t l m !!!

Thứ o mộc cũng v y, cây nào bên Tàu cũng quí và th m ng h n cây c i bên Việt Nam. Th vă c mìn có bao gi nói t i cây sao, cây d u, cây b ng l ng, cây g o, cây c m lai, cây mít, cây l i,... mà toàn là cây ngô đ ng, cây phong, cây cù m c, cây t , cây tang, cây du, cây l e, cây đào, cây h nh... nghe th y m , nh ng đó toàn nh ng cây x i l nh. May quá, chúng ta bây gi cũng x i l nh v y, mà dám còn l nh h n bên Tàu n a, v y m y th cây đó là cây g i x B n M n y? Bi t đâu nh ng tên cây th m ng, linh thiêng, cao quí đó chúng m c tràn lan r ng r m, r công viên, l l đ i ng ho c s ng s ng t r c nh à !

Qu đ ng v y, cây phong là th cây mà th vă mìn th l ng nh c t i. Cây phong (érable / maple) th cây đ c bi t c a Canada, cây to c hai ba ng i ôm, g quí c ng ch c, v nâu đen s n sùi, tàn r m, lá to b ng bàn tay có 5 nhánh, hình dùn làm c tiêu bi u cho đ t n c, Canada là X Cây Phong, đ i đâu cũng g p.

- Ng i l ên ng a, k chia bào,

- R^õng thu phong dã nhu^m màu quan san.(Ki^{nh} u)

Cũng nh^ư các gi^{ing} cây khác, phong có nhi^u loⁱ, th^ì cho đ^{ông}ng (maple syrup), th^ì ch^ó tr^{òn}g làm c^hí nh, phong T^àu, phong Nh^{ật}, phong Na Uy, Th^ụy Đ^ịn, phong Anh... (Acer rubrum, Acer saccharum, Acer saccharium, Acer negundo, Acer platanoides... thu^{ộc} h^ọ : Aceraceae) Mu^ñn bi^{ết} cây phong b^ởn ch^ó c^{òn} m^ù c^a, b^ởc ra đ^{ông}ng l^à th^ì y ngay, phong đ^{ông}c tr^{òn}g d^ùc theo đ^{ông}ng ph^ó, ch^ó nào c^{ũng} có. Trên n^úi cao r^õng s^{âu}, phong m^ùc ngút ng^{àn}. Sách T^àu cho l^à phong Canada vào m^ùa thu, đ^ỗp đ^ỗn n^ói say đ^ỗm m^ê m^ùn l^{òng} ng^óng -di^{ễn} m^ù túy nh^{ân}. Thu đ^ỗn l^á phong đ^ỗi m^àu, t^ùy theo gi^{ing} ng m^à l^á đ^ỗ hay vàng.

- Tr^{òn} gió thu phong r^õng l^á vàng, r^õi th^ì sau đó : -tr^{òn} gió thu phong r^õng l^á h^{óng}.

Lúc c^{òn} l^à trong n^óng, có ng^óng i th^ìc m^ùc -đ^ã có gió r^õi sao l^ài có phong n^óa? Câu h^{ỏi} kh^ó, nh^{óng} n^óu đ^ã l^à h^{ỏi} ngo^{ài}, bi^{ết} rõ phong l^à cây phong th^ì ch^óc kh^óng ai c^{òn} th^ìc m^ùc n^óa, kh^óng c^{òn} ph^ói h^óc ch^ó nho l^àm chi. Thi sĩ T^ửn Đà đ^ã đ^ỗi nh^ép ng^ót câu quen thu^{ộc} c^ha th^ì Đ^{ông} -tr^{òn} gió thu, phong r^õng l^á vàng.

Nh^{óng} thi^{ết} ra tôi v^ền c^hí th^ìc m^ùc, m^ùi l^{òn} d^ì ăn l^à nh^à hàng Hai S^ứ T^ử ph^ó T^àu (Toronto) khi nhin l^{ên} cao, rõ ràng hi^{ểu} ti^ếm ghi hai ch^ó Hán -Phong Thành, nh^{óng} t^ìi sao ch^ó nh^{ân} l^ài ghi ti^ếng Anh l^à Bright Pearl Restaurant ? N^óu tôi l^àn th^ìn d^ùch ra d^ành cho các ch^áu nh^é hi^{ểu} th^ì ph^ói l^à nh^é v^éy : -Restaurant Bright Pearl (minh ch^áu) = Phong Thành (th^àn^h ph^ó cây phong) = nh^à hàng Hai S^ứ T^ử. Tr^{ái} đ^òt, ch^óc các ch^áu h^{óng} hi^{ểu} g^ì h^{ết} tr^{òn} !

Có m^ùt loⁱ cây mà th^ì v^ăn th^ìng nh^éc d^ì nh^éc l^ài, khi^{nh}n t^íi t^ò m^ò. Đó l^à cây hoè.

- Ti^ếng sen s^ứ đ^{ông} gi^{ing} hoè, bóng tr^{ăng} dã x^u hoa l^ê l^ài g^ón (Ki^{nh} u)

- Th^ìa gia ch^óng n^ót n^{àng} V^{ân}, M^ùt cây cù m^ùc, m^ùt sân qu^ý hoè (Ki^{nh} u).

- Sân hoè đ^{ôi} ch^{út} th^ì ng^{ây}, tr^{ân} cam ai k^{ém} đ^ò thay vi^{ết} c^hmình. (Ki^{nh} u)

- Cù mộc thì là cây si (*ficus benjamina* h̄ Moraceae), Việt Nam mình có nhiều, thường loài cây to, tàn rỗm, lá nhẵn, nhánh có nhiều rãnh mộc lồng thòng xuông tui đất. Các bến thanh niên trai trai cũng thường trồng cây này ở gần nhà cô bến gái dọc thênh...

Nhưng còn cây hoè là cây gì ? Tìm tòi trong nhiều sách thì thấy rõ cây hoè tên Latin là *Sophora Japonica*, thuộc họ Fabaceae, cũng ghi chú là Japanese pagoda tree, Chinese scholar tree. Tiếng Pháp lối ghi là arbre de miel hay arbre des pagodes. Tiếng Á-rập, sophora có nghĩa là cây mật, do hoa của nó phát ra mùi mật ngọt. Tuy *Sophora* có chung tên với *Japonica* đi kèm nhưng không phải gốc ở Nhật Bản, mà từ Trung Hoa, do cha Pierre d’Incarville mang về Aâu Châu. Ông đã sống ở Bắc kinh từ năm 1742 đến năm 1757. Cây hoè cao chừng 15 đến 20 thước, tàn rỗm to, ngọn tròn vỗ đèn nâu sần sùi. Lá nhẵn nhẵn lá me, mộc đứt nhau, trái cũng giòn nhẵn trái me nhẵn nhẵn và dập. Hoa vàng tím nhạt cỡ 1 cm, nở vào tháng tám bùn bùn dày đặc trên cành, mùi thơm nồng đặc biệt ngọt. Vài ngày sau khi nở thì phai trôi nhạt tui, rụng thành mảng thềm hoa trống trên bãi cỏ xanh. Lá hoè cũng rụng vàng vào mùa thu nhẵn là loài lá rụng cuối cùng, sau tất cả các cây khác. Bên Trung Hoa, người ta nấu nhẵn nở hoè dùng đũa nhuộm tui màu vàng, cũng dùng làm thuốc (hoè hoa, hoè mộc, hoè dập).

Trong Lục Văn Tiên cũng có câu -buôn trông đóm liều đênh hoè.

Cũng do bến tánh tò mò tôi biết đênh cây ngô đênh, mảng loài cây đênh cho là quý hiếm. Có thi có câu: -ngô đênh nhặt dập lối, thiên hồn cõng tri thu (mảng lá ngô đênh rụng thiên hồn biết thu tui). Kiều cũng có nhiều -Thú vui thuôn hồn bén mùi, giòn vàng đã rụng mảng vài lá ngô. Nhiều sách cũ đã ghi -cây ngô đênh mảng cành có 12 lá, năm nào nhuộn thì 13, tênh ngang vỗi thiệp hàng năm. Chim phèng hoàng là giòn chim linh thiêng, nấu không phải i cành ngô đênh thì không đũa, không phải i trái trúc thì không ăn. (phi ngô đênh bứt thê, phi trúc thóc bứt thóc) Nhắc sô Hoáng thiền cũ Trung Hoa, chén gỗ cây ngô đênh chia ra cây đàn cũ m. Ông không lối a chê gỗ vì âm thanh thô cỗng, không lối y khúc ngón vì âm thanh nhẵn yếu, chén khúc giòn, âm thanh trong trống và êm ái, đũa hòa. Khi làm đàn xong mảng lòn tu lén, chim phèng hoàng bay vỗ đũa trênh sân, múa theo đũa nhác....

- Bắc thang đòn cung mây mà hồn, bứt bao giờ phèng tui cành ngô (Bến Núi Thán)

Cây ngô đênh là cây gì mà quý tui nhẵn vỗi. Thi sĩ Lữ Nguyễn, bến tôi quê Quỳnh Nam, nói ở ngoài Trung ngô đênh nhiều lắm, ở Huế trong các lăng Gia Long, Minh Mạng cũng trồng thành

hàng. Anh tôi mỗi tôi cây ngô đồng cho tôi nghe, cuối i cùng tôi cũng không biết là cây gì.

-Bóng trăng vàa xanh cành ngô, giống c hoè dùu dài u, chǎn cù êm êm (Bích Câu Kỳ Ngô). Muôn tiếng đàn kêu vang to khin chim phúng tìm đòn đòn nghe thì phúi là loi cây có sắc green còng chắc bản bắc, tiếng vang, không nhỏt, không vênh, không dài hỗmột.

-Cây ngô đồng (*firminia simplex*) ngó i Anh gọi i Chinese parasol tree, cũng gọi i là Pheonix tree (cây phúng hoàng), tiếng Pháp là *Sterculia à feuille de platane*. Tên khoa học *Firminia platanifolia* hoc *sterculia platanifolia*, học Trôm *Sterculiaceae*. Cây cao trung bình tới 12 đòn 15 thậpc. Có nhiều uống Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản.... Loi cây rỗng lá hỗng năm, thân thuc loi green còng, có vành láng xanh, lá to mỗi c thành chùm trên mỗi i cành, cuối ng lá dài trên 20 cm, mỗi i chùm có 12 lá, lá có chặt a 3 hoc 5 giống lá phong nhỏng hỗi tròn đòn làn hỗn lá phong. Hoa nhỏ vào mùa xuân, cánh hoa thon dài nhỏ hoa ngóc lan màu trắng ỏng nhỎy vàng, bao lày chùm trái nhỏ nhỎt tiêu ỏ giống a. Trong nhỎng công viên ỏ Nhật, Trung Hoa, ngô đồng có tàn lá nhỎ chặt c dù che còn mỗi t vùng rỗng làn, rất đònp. Vì thuc học Trôm nên thoát nhìn thờy giống giống nhỎ cây võng, cây trôm... Ngó i Nam thờng làm làn cho ngô đồng là cây võng đồng. Nếu u là cây võng nem thì gọi sắc p, mỗi m làm, da có gai, chặt dùng làm guốc võng, lá đòn gói nem.

'Việt -Hán Tự Đình Tựi Tân' nxb Chin -Hoa (Chữ Lần) ghi cây võng là 'thúc đồng', không phúi ngô đồng.

-Bên Âu Châu, các nước Pháp, Ý, Thứy sĩ, Anh, Belgique,... bên mỗi i phún trǎm cây trắng vàa hè là dòng ngô đồng (chặt dòng bên thờy, có nghiã là ngô đồng ngoài quốc, tên khoa học: *Platanus Orientalis* -*Platanus Occidentalis* thuc giống *Platanus acerifolia*, học *Platanaceae*). Nó đòng trắng nhiều uống vì dáng đònp, sóng lâu, không sắc dòng bão, chặt u đòng đòng ô nhiều m, ít bên nh và cho nhiều u bóng mát. Loi cây nhỏy cũng đòng trắng nhiều uống thành phố New York, khu nhà chặt trái, khu Liên Hip Quốc, chặt tựng Nh Thứn Tự Do. Tên Anh là planetree hay sycamore, Pháp là platane, cây to green còng, tàn làn cao 25-30 thậpc, da láng nâu đen nhỎ da ỏi, lá giống lá phong chặt a năm, có trái thoát nhìn giống trái chôm chôm xanh, khi già thì màu đen. Theo tài liệu u thì hinn nay ỏ Hy Lịp trong vàn nhà ông tự y khoa Hippocrate thành phố Kos, vùng Dodécanèse, có cây platane sóng ng trên 2000 năm, cao 45 thậpc, chu vi green 14 thậpc... Ngó i Hy Lịp còn cho là loi cây tái sinh (regénération) vì làp và còn bong ra, làp và mỗi i thay thờ, nhỎn làt da sóng đòni. Con ngàa thành Troie (Troy) đònc làm bến green platane (đòng ngô đồng).

Trong Chinh Phố Ngâm Khúc cây dâu tựm ăn thờng đònc nhỎc đi nhỎc lài. ỏ Việt Nam thì cây dâu đònc trắng nhiều u. Ngày trường còn Tân Châu (Châu Độc) trắng dâu đòn nuôi tựm dònt lanh MàA,

bây giờ thì ở Đà L^ăt. Ngoài B^{ắc} c^hỉ tôi đoán ch^óc là Hà Đông, n^ăi ti^ếng nh^óa d^ăt b^ăng t^ăm (Hà Đông cũng có lo^{ài} l^ăa, d^ăt b^ăng l^{ông} s^ăt, nh^óng kh^{ông} thu^ộc ph^óm vi bài n^ăy!) Còn ở thành ph^ố Athens (Greece) thì cây dâu đ^ău c^hí tr^{ái}ng ở nhi^{ều} l^ăo đ^ău ng^ăng đ^ăy b^{óng} m^{át}.

- cùng trông l^ăi mà cùng ch^óng th^ứy, th^ứy xanh xanh nh^óng m^{át} y ngàn dâu

- ngàn dâu xanh ng^ăt m^{át} màu, lòng chàng ý thi^ếp ai s^ău h^ăn ai. (Chinh Ph^ố)

Câu h^{ăr}i thi^ết là khó, n^ăi s^ău làm sao đong đ^ăm, ai mà tr^{ái} l^ăi cho đ^ău c^h. Ch^óc có m^{át} ch^ó c^h khó hi^{ểu} u là ch^ó ng^ăn. Ngàn có nghĩa là r^{ất} : -Đ^ăn tre đ^ăn g^ă trên ngàn.

-Đôi ta là nghĩa tào khang, xu^{ống} khe b^ăt c^hí lên ngàn hái dâu (ca dao).

Cây dâu t^ăm ăn thì không c^ăn t^ăr rõ vì ai cũng bi^{ết} nh^óng có m^{át} cây l^ăo th^ứng đ^ău c^h nói chung khi ng^ăo i x^ăa nh^óc t^ăi cây dâu. Đó là cây t^ă. Trong Kinh Thi có câu: -Duy tang d^ăt t^ăt cung kính ch^ó. -Khi th^ứy cây dâu và cây t^ă thì mình ph^ói cung kính. T^ăi sao v^ăy? B^{ởi} vì cây dâu, cây t^ă là do cha m^ău tr^{ái}ng. Lá dâu đ^ău m^ău nuôi t^ăm d^ăt v^ăi. Cây t^ă cha tr^{ái}ng ngày sanh con. Cây t^ă cao to l^ăn c^ăng ch^óc, sau hai ba m^ău i năm, c^ăt nh^ăa s^ău m^ăc nát, con có cây s^ăn mà thay. Cha m^ău già y^ău s^ău ch^ót, con có s^ăn g^ă t^ăt mà đóng quan tài. Tang t^ă hay t^ă ph^ón cũng có nghĩa là quê h^{ăr}ng.

– sân Lai cách m^ăy n^ăng m^ăa, có khi g^ăc t^ă d^ăa v^ăa ng^ăo i ôm.

- s^ăm xanh n^ăp t^ă xe châu, vùi nông m^ăt n^ăm m^ăc d^ău c^h hoa.

- đoái th^ứng muôn d^ăm t^ă ph^ón. H^{ăr}n quê theo ng^ăn mây T^ăn xa xa (Ki^{ều}).

Vua Ngô Phù Sai mu^{ốn} l^ăp dài Cô Tô th^ứt cao mà không có cây làm c^ht. Vi^t V^ăng Câu Ti^{ễn}

cho ng^ói đi tìm thì đ^ểc cây nam ^o phía b^{ắc} núi Vi^tt, cây t^o thì ^o phía nam, m^ùi cây to 20 vây và cao h^{ơn} 50 t^om, đ^ển đem dâng vua Ngô. Cây t^o trong s^{ách} sách quý nh^ư v^ề y, thì là cây gì, ^o Canada? Các t^o đ^ển Hán -Vi^tt đ^ể u ghi cây t^o là m^{ột} gi^{ống} cây l^{òn}, ch^ỉ quê h^{òn} ng, r^{ồi} i h^{ết}.

-Duy Vi^tn ĐÔng Th^ức D^ong Anh -Hán T^o ĐI^N (Far East Practical English -Chinese Dictionary) ghi chú rõ cây t^o là Catalpa, ti^ếng Anh và Pháp gi^{ống} nhau. Cuⁿn The Urban Tree Book, tác gi^ả Arthur Plotnik (nxb Three River Press) chú thích k^hó và có hình v^ề rõ ràng. ^o Toronto cây t^o kh^á nh^ư u, đ^ểo c tr^{ái}ng d^ểc l^à đ^ểo ng khu ph^ố T^àu. Thân cây to cao đ^{ến} 20-25 th^ờc, lá to c^hí lá tr^{ái}u xanh m^{át}, tàn l^{òn} r^{ất} m, bông n^ó mùa hè màu tr^{ái}ng, nh^ưy tím vàng, mùa thu có trái dài t^o 15-40 cm, thòng xu^{ống} nh^ư trái đ^{ếu} u đ^{ếu} u nh^ưng thon nh^ư h^{òn}. Cây t^o thu^{ộc} h^ọ Bignoniaceae, gi^{ống} catalpa, có ng^ói g^ỗi cây đ^{ếu} u đ^{ếu} u ^on Đ^ô ... M^{ỗi} l^{òn} đ^{ếu} u xe trên các đ^{ường} nh^ư xung quanh khu ph^ố T^àu, tôi th^ứng nh^{ìn} hàng cây t^o g^ỗc to c^hí c^hết nh^à, ^oc ao làm sao tr^{ái}ng đ^ểo c năm ba cây trong v^ền, đ^ển khi tu^{ổi} già, con cái s^{ách} dùng t^oi đ^ể lo cho mình, ti^ến l^{òn} m, kh^ói ph^ối t^on k^{ém} nh^ư u, b^{ên} lòng m^{ột} y đ^ểa nh^ư .

Còn cây d^o là cây gì? Ch^{úng} ta th^ứng nghe nói -m^{ột} đ^ểp màu h^{ết} d^o. Đó là cây châtaignier cũng là marronnier / chesnut tree. Ch^ỉ nho đ^ểc là cây l^{òn}t. Cây l^{òn}t to, lá to, tàn r^{ất} m, cao c^hí trên 20 -25 th^ờc, trái nh^ư b^{ọc}ng trái cau, v^ề có gai, t^oi cu^{ối} thu thì v^ề khô, h^{ết} bung ra r^{ất} ng^{ồn} đ^ểy g^ỗc. Mùa đông b^{ọc} h^{ết} d^o (marron / chesnut) vào lò s^ú i n^óng ăn r^{ất} ngon, n^én nh^ư c^hết hai đ^{ếu} u v^ề, n^óu kh^óng khi n^óng, h^{ết} d^o s^ó n^ó ra, nát v^ền h^{ết}. Ti^ếm t^{ây} hay Vi^tt, T^àu đ^ể u có bán.

-Cây du (orme / elm, thu^{ộc} h^ọ Ulmaceae, gi^{ống} ulmus,) lo^{ài} cây l^{òn} to, cao đ^{ến} 20, 30 th^ờc, g^ỗc^hng, d^{ùng} ch^ỉ t^o bàn gh^ế, v^ềt d^ểng trong nh^à. C^{ũng} là lo^{ài} cây th^ứng đ^ểo c ng^ói th^{íc}h bonsai ^oa chu^{ống} vì lá nh^ư đ^ểp gi^{ống} lá trà có răng c^ha và s^óc ch^ỉu đ^ểng b^{ọc} n b^í s^úng tuy^{ết} n^óng m^àa. Thu đ^{ến} lá du đ^ểi thành màu vàng chanh nh^ưt. Cây du có th^ứ m^ùc ^o đ^ểng b^{ọc}ng mà c^{ũng} có th^ứ m^ùc ^o vách n^úi đá cheo leo, đ^ểt x^óu t^ot nào c^{ũng} s^{óng} đ^ểo c.

Ch^{úng} ta c^{ũng} thu^{ng} b^{ọc} g^ỗp cây b^{ọc}ch d^ểng trong th^ứ v^ăn. Nh^ư trong Văn T^o Th^ứp Lo^{ài} Ch^{úng} Sinh c^ha Nguy^{ễn} Du:

-đ^ểng b^{ọc}ch d^ểng b^{óng} chi^{ếu}u man m^{át}, ng^ón đ^ểng lê lác đ^{ắc} m^àa sa.

T^o đ^{ến} kh^óng th^ứng nh^ưt v^ề cây b^{ọc}ch d^ểng n^óy. Có khi là cây white poplar / peuplier, có khi là birch / bouleau, có khi là trembling aspen (or quaking aspen) (tên khoa h^{ọc} là populus

tremuloides, populus alba,... thu^c h^u d^{ài} ng li^u Salicaceae) Gⁱi là trembling hay quaking vì cây n^hy khi có chút gió thì đám lá rung rinh nh^u đàn b^ém bay. Thôi c^hí t^um hi^u b^éch d^{ài}ng có nh^u i lo^oi nh^ung gi^ong nhau có v^ă tr^ăng, s^ă g^ăm m^ăm, th^ăng d^{ùng} làm diêm qu^ăt. Ng^ăo i da d^{ài} tách v^ă cây b^éch d^{ài}ng già (birch / bouleau) k^{ết} ch^ăp vào nhau, d^{ùng} nh^ăa th^{ông} tr^ăt kín n^ăc, đ^ă làm ghe kayak (canoe). Ghe kayak nh^ăc ch^ăn, khi ph^ăi qua r^ăng r^ăm, n^úi non, th^ă dân có th^ă đ^ăi ghe trên đ^ău mà đi.

- Còn đ^ăng lê, m^ăt cây cao trung bình, tên khoa h^uc là -pyrus betulaefolia h^u hoa h^ung Rosaceae.

Trong B^ăn N^ă Thán tác gi^o th^ăng nh^ăc t^ăi cây h^unh:

- ai l^ăi xin ch^ă c^ăo i nhau, ch^ăng qua mai tr^ăng, h^unh sau kh^ăc g^ăi.
- mai n^ă tr^ăng, mai c^ăo i h^unh mu^cn, h^unh n^ă sau h^unh ng^ăm mai suy.
- h^unh mai c^ăo i l^ăn nhau chi, đ^ăn k^ă k^{ết} qu^ă, đ^ăn k^ă khai hoa.

Trong đ^ăn th^ă n^hy, mai kh^ăng ph^ăi là cây hoa mai vàng (ochna intergerrima, h^u Ochnaceae) ^o mi^cn Nam, n^ă m^ăi khi T^ăt đ^ăn. M^ă là cây mai (prunier, abricotier / plum tree; apricot tree) cho trái m^ă (prune, apricot / plum, apricot).

- Đ^ăc Kh^ăng T^ă th^ăng ng^ăi d^ăy h^uc ^o đ^ăn h^unh, vì th^ă n^ăn th^ăng d^{ùng} ch^ă h^unh đ^ăn đ^ă ám ch^ă tr^ăng h^uc. Nh^ăa Đ^ăng cho các h^uc tr^ăng đ^ă ti^cn s^ă vào ăn y^ăn ^o v^ăng h^unh, n^ăn t^ăc g^ăi ng^ăo i thi đ^ău là h^unh lâm. Ng^ăo i m^ănh c^ăng g^ăi cây t^ăc (cây qu^ăt: m^ăt lo^oi qu^ăt nh^ă tr^ăng đ^ă làm c^ănh) là cây h^unh. Không ph^ăi h^unh trong th^ă văn.

- Cây h^unh gi^ong cây táo (pommier / apple tree) ho^c gi^ong cây hoa anh đào, cao đ^ă 4, 5 th^ăng, hoa đ^ăng, m^ău xuân bông đ^ăm đ^ăy cành, trông r^ăt đ^ăp. Trái nh^ăc c^ăm kh^ăng ăn đ^ăng, ch^ă ăn h^ăt. M^ăi cây cho t^ă 2 đ^ăn 5 kí h^ăt, ch^ă nào c^ăng có bán, giá kh^ă m^ăc. Trong thu^c

b^oc có v^ỏ h^ỗnh nh^ỏn (h^ỗt h^ỗnh d^{ài}p thon dài) và đào nh^Ỏn (h^ỗt đào d^{ài}y h^ỗi tròn, mùi h^{ăng} h^ỗc, n[ؑ]ng m^ùnh h^ỗn h^ỗnh nh^Ỏn, c^h hai dùng tr^{ái} b^onh ho). Cây h^ỗnh là cây amandier / almond tree. Tên khoa h^ỗc là Amygdalus communis, h^ỗ Rosaceae. Có nhi^u u gi^{ỏi} ng h^ỗnh: prunus triloba, prunus armenica, prunus amygdalo-persica, prunus dulcis...

- hoa chào ngõ h^ỗnh, h^ỗng bay d^{ài}m ph^{ığ}n.(Ki^{ểu} u)

- d^{ài}n d^{ài}n năm đ^ăk^h ba, h^ỗnh v^ăa đ^ă th^ım, li^u v^ăa ph^{ığ}n son. (Bích Câu K^{hoa} Ng^{ày})

*Đ^ăng l^{ỗi}m cây h^ỗnh (amandier) v^ăi cây ngân h^ỗnh, cũng g^{ỏi}i công tôn th^ı hay b^och qu^ả th^ı (ginkgo biloba). Cây ngân h^ỗnh thu^{ộc} lo^{ài} cây to cao ch^ỗng 30 th^ıng, có nhi^u u t^{ên}: ginkgo biloba, maidenhair -tree, the memory -tree (F: Ginkgoaceae G: ginkgo), qu^ả ăn d^{ài}hc, h^ỗt nó là b^och qu^ả, th^ıng dùng đ^ă n[ؑ]u chè, ăn giúp trí nh^ỏ. Đó là lo^{ài} cây quí t^ỗng t^ỗn t^ỗi qua hàng trăm tri^{ệu} u năm t^ỗ th^ıi ti^{ếc} s^ố có lo^{ài} kh^ỗng long cho t^ỗi ngày nay không thay đ^ăi hình d^{ài}ng. R^{ất} d^{ài} nh^ỏn ra cây ngân h^ỗnh vì tàn lá xanh um t^ỗ i t^ỗt. Năm 1587 sách thu^{ộc} Trung Hoa g^{ỏi}i nó là áp c^híc th^ı (Eleusine -coracana) cây có lá hình tam giác gi^{ỏi}ng chân v^ăt xòe, cũng đ^ăhc tr^{ái}ng l^{ỗi} ph^{ığ} Tàu Toronto, l^{ỗi} các khu nhà ch^ıc tr^{ái} New-York hay l^{ỗi} Genève. Cây ngân h^ỗnh là lo^{ài} cây quí, không bao gi^{ỏi} b^o n[ؑ]m, ký sinh, sâu m^{ột} hay h^ỗ m^{ột}c. l^{ỗi} thành ph^{ığ} Hiroshima khi b^o bom nguyên t^ố, t^ỗt c^hí các cây đ^ău ch^ıt tàn l^{ỗi}i, ch^ı có ngân h^ỗnh là còn s^{ống} sót. Trong r^{ừng} núi Trung Hoa, Nh^{ật} B^{ản}, Đ^ăi H^{àn} có nhi^u u cây s^{ống} lâu c^hí ng^{àn} n^{ăm}. Ng^{ày} i ta tr^{ái}ng ngân h^ỗnh thành đ^ăn đ^ăn l^{ỗi}n, l^{ỗi}y lá nó dùng làm thu^{ộc} giúp trí nh^ỏ, cùng tr^{ái} b^onh Alzheimer cho ng^{ày} i l^{ỗi}n tu^{ổi}i. Ngoài tác d^{ài}ng giúp trí nh^ỏ, lá ngân h^ỗnh còn dùng làm d^{ài}hc th^ıo ngắn ng^{ày} a tác d^{ài}ng lão hóa con ng^{ày} i... Tóm l^{ỗi}i chúng ta nên th^ıng ăn chè b^och qu^ả, còn không thì mua Ginkgo Biloba v^ă u^{ng} tr^{ái} m^{ãi} không già, ch^ı t^ỗn chút ít ti^{ếc} n cho quí v^ă d^{ài}hc s^ĩ !

Còn cây olive/ olivier (olea europaea h^ỗ Oleaceae) thì ít khi th^ıy trong v^ăn th^ı, tuy trái và d^{ài}u nó m^{ìn}h dùng m^{ỗi} i ngày. Cây olive cao ch^ỗng 10- 15 th^ıng, g^{ỏi}c to c^hí ng^{ày} i ôm, s^{ống} hàng trăm n^{ăm}, cành nh^ỏu, v^ă xám s^ốn sùi, lá nh^ỏ dài nh^ỏ lá trúc đào, m^{ột}c đ^ăi, m^{ột}t trên xanh, m^{ột}t d^{ài} i xám b^oc, hoa nh^ỏ cánh r^{ất} t^ăa tròn, màu tr^{ái}ng xanh, m^{ột}c thành chùm, qu^ả m^{òn}g hình b^ou d^{ài} 2,5 -3cm màu xanh, khi chín thì đen đen, th^ıng th^ıy m^{ột}c trên các s^ốn n^úi đá cheo leo. Cành olive t^ăng tr^{ái}ng cho s^ố hoà bình, làm thành vòng đ^ăi l^{ỗi}n đ^ău t^ăng tr^{ái}ng cho chí^{nh} th^ıng vinh quang. Cây già c^hi có dáng u^{ng} éo d^{ài}p nh^ỏ bonsai. Đ^ăhc tr^{ái}ng nhi^u u l^{ỗi} khu v^ăc Đ^ăa Trung H^{àn}i.

- Ch^ınh g^{ỏi}i là c^hí m^{ìn} l^{ỗi}m th^ı. C^hí m^{ìn} l^{ỗi}m qu^ả là trái ô -liu, mi^un B^{ản} g^{ỏi}i qu^ả tráms. T^ă ch^ı c^hí m^{ìn} l^{ỗi}m bi^un âm thành qu^ả tráms, nh^ỏng trong Nam thì g^{ỏi}i là trái cà na. Vì l^{ỗi}n Đ^ăa có cây canna,

cây và trái gi^áng ô -liu. Trong r^{ừng} núi t^ửnh Darlac có nhi^u u cây canna. Trám có nhi^u u lo^ài: trám h^ỗng, trám ba c^ónh, trám k^ên, trám lá d^{ài}, trám tr^{ái}ng, trám mũi nh^õn,.. tên khoa h^{ọc} là canarium Bengalese, canarium subulatum, canarium album, thu^{ộc} h^ọ Trám Burseraceae.

Đ^ó k^{ết} thúc bài cây c^hí n^ăy, tôi mu^{ốn} nh^ăc t^ửi m^{ột} lo^ài cây r^{ất} t^ồm th^ờng l^à n^ăo c ta, th^ờng m^ùc hoang và cũng có tr^{ái}ng, không ai thèm đ^ó ý t^ửi. Sau năm 1975 thì c^ó n^ăo c đ^óu bi^{ết}, c^ó i t^ửo vi^{ên} thì bi^{ết} rõ h^ỗn h^ỗt. Ở Vi^t Nam thì nó t^ồm th^ờng nh^ăng đ^ói v^ì Tàu ngày x^ăa đ^óo c quí tr^{ái}ng nh^ăvàng, nh^ăng c^ó ng^óo và khôi hài v^ề y đó. Chuy^{ển} đ^óo c ghi trong H^ỗu Hán Th^ờ đồng hoàng. Đó là cây bo-bo, có liên quan t^ửi Mã Vi^tn, Ph^{úc} Ba T^ửng Quân. Cây bo bo (sorgho / sorghum vulgare) thân th^ờo gi^áng cây lau cây s^{ắn}y, cao ch^ỗng c^ó cây mía, hoa tr^{ái}ng tr^{ái} cao thành c^ó, h^ỗt bo bo gi^áng đ^óu nành, đ^óu chi chít thành chùm trên ng^{ón}. H^ỗt bo bo có th^ể thay c^óm, thay cháo ăn đ^ói đổi khi thi^{ếu} u th^ểc ph^ốm. (hi^ն nay ở Trung Hoa tr^{ái}ng bo bo thành đ^ón đ^ói n l^ăn, lo^ài sorgho à sucre, m^{ỗi} m^{ỗi} u ch^ỗ đ^óo c 7000 lít r^{ượ}u éthanol, dùng thay x^ăng)

Tên ch^ỗ nho c^óa bo bo là cao l^ăng, m^ùc m^ùch hay đ^ói th^ểc m^ùch. Trong Th^ờn Nông B^{ản} Th^ờo g^ói là ý d^ĩ, là m^{ột} món thu^{ộc} b^{ản}c, tiêu khát, gi^ái đ^óc, ng^ói ta th^ờng dùng đ^óu n^ău chè ăn cho mát (sâm b^{ản} l^ăng). Vi^t Nam mình, khí h^ỗu t^ửt n^ăn bo bo r^{ất} d^{ài} tr^{ái}ng. Sau khi Mã Vi^tn ti^{ến} đánh Giao Ch^ỗ (năm 43 sau TL) tiêu di^{ễn}t kháng chi^{ếu} n Hai Bà và l^àn đ^ónh công cu^{ối} c tr^{ái} an đ^óa ph^ống thì có chi^{ếu} u vua tri^{ều} u v^ă. Mã Vi^tn ham ở Giao Ch^ỗ, l^ăy c^ó tu^{ổi} già s^{ắn}c y^{ếu} u n^ăen ch^ỗn ch^ỗ, l^ăn l^ăa... Mãi đ^ón khi chi^{ếu} u tri^{ều} u l^ăn th^ể hai, Mã Vi^tn m^{ỗi} i đ^ónh tuân ch^ỗ ban s^{ắn}, quy h^ỗi c^ó th^ể. Trong đoàn quân r^ồm r^ồ v^ă kinh, ngoài quân nhu quân d^{óng}, có ch^ỗ th^{êm} ba c^ó xe ch^ỗ d^{óng}, n^ăng, đ^óo c đ^óy đ^óm kín mít.

Sau khi v^ề tri^{ều} u, Mã Vi^tn tâu trình và đ^ó n^ăp t^ửt c^ó ng^óc ngà châu báu, c^óa c^ói chi^{ếu} m đ^óo c l^{ên} vua. T^ửng là yên chuy^{ển} nh^ăe đ^óu có ng^ói i t^ử cáo v^ì Hán Vũ Đ^ỗ là trong danh sách đ^óu n^ăp các chi^{ếu} n l^ăi ph^ốm, sao không th^ểy ba xe ch^ỗ d^{óng} y ng^óc trai mà Mã Vi^tn b^ịt dân Giao Ch^ỗ mò tìm l^à bi^{ển} đ^{óng}? Mã Vi^tn s^{ắn} h^ăi tâu trình –x^ă Giao Ch^ỗ nhi^u s^{ắn} lam ch^ỗng khí, h^ỗ th^ển khi qua đó b^ịt h^ỗp th^ểy th^ể, phong th^ểp th^ểng hàn, may nh^ăng th^ểy thu^{ộc} gi^ái, đ^óu tr^{ái} b^ỗng ý d^ĩ, h^ỗ th^ển m^{ỗi} i đ^óo c bình an. Ba xe đó không ph^ối ng^óc trai mà là ba xe ý d^ĩ, th^ển có ý lo xa, khi v^ề t^ửi n^ăo c nh^ăa r^{ồi}, làm sao có đ^óo c n^ăa, mong b^ị h^ỗ xét l^ăi !.

Hán Vũ Đ^ỗ ng^óm ngh^ĩ h^ỗi l^ău, bi^{ết} b^ị qua m^{ỗi}t, t^ửc gi^án vì không tìm ra b^ỗng ch^ỗng, bèn ra l^ănh cách h^ỗt ch^ỗc t^ửng, không t^ửch thu gia s^{ắn}n mà cho v^ề h^ỗu. Mã Vi^tn cũng còn may gi^á đ^óo c cái m^{ỗi}ng già nh^ăng m^{ỗi}ng h^ỗt bo bo Vi^t Nam. M^{ỗi} i bi^{ết} s^{ắn} g^ón vua nh^ăng s^{ắn} g^ón c^óp. Cũng là qu^ý báo nh^ăn ti^{ến} cho k^{ết} xâm lăng.

Ý dĩ hay là ng^{ười} c^hai trai, ai mà bi^t đ^ể c^hi? Các b^én th^ứ ngh^ĩ coi, kh^{ông} l^à b^ét qu^{ân} l^{ính} c^héch leo đèo v^ề t^ử n^úi đi xa ng^{àn} d^{ài} m^{ét}, đ^ểy v^ề nh^à ba xe bo bo kh^{ông} đ^{áng} m^ùy l^òng b^éc! Ph^óc Ba T^ứng Qu^{ân} M^ã Vi^{ệt} n^ăm, danh t^ựng đ^ếi Hán, đ^{ánh} th^ứng đ^ểc hai ng^{ười} i đ^{àn} bà c^hỉ m^{ột} ti^{ểu} u qu^{ốc}, d^{ài} ng^{ười} đ^ếng tr^{ái} đ^ếng khoe c^ông, thì th^{ết} t^à là đ^ếi anh hùng. M^à đ^ã là đ^ếi anh hùng th^ì đ^{âu} có ngu!